

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2019/DS-ST

Ngày: 25/4/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN T

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Liễu**

Các Hội Thẩm Nhân Dân: Ông **Phạm Hữu Ái** và bà **Trần Thị Ngọc**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thương** – Thư ký Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện T tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Liên**– Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/4/2019, tại trụ sở TAND Huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 188/2018/DSST ngày 27/12/2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-DS ngày 05/4/2019 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Ông Trương Quốc B, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng, sinh năm 1957 (*vắng mặt*)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trương Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1987 (*có mặt*)

Địa chỉ: Thôn Suối Giêng, xã Tân Đức, Huyện T, tỉnh Bình Thuận

Theo văn bản ủy quyền ngày 26/12/2018

Bị đơn: Ông Nguyễn Trần H, sinh năm: 1977; (*có mặt*), bà Võong Ngọc N, sinh năm 1986 (*có mặt*)

Địa chỉ : Thôn Suối Giêng, xã Tân Đức, T, Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, qua lời khai của nguyên đơn và các chứng cứ thu thập có tại hồ sơ cũng như tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày ;

Ông B và bà Ng là người cHên bán hàng vật tư phục vụ nông nghiệp, mùa vụ năm 2013 ông, bà có đầu tư cho vợ chồng bà N, ông H để trồng hai vụ bắp. Sau nhiều lần mua bán vật tư thì ông H và bà N còn nợ của ông 58.089.000đ, nay ông yêu cầu vợ chồng bà N ông H phải trả cho ông, bà 58.089.000đ và lãi suất 2%/ tháng là 17.311.000đ. Tổng cộng ông, bà yêu cầu ông H và bà N phải trả cho vợ chồng ông bà tổng số tiền là 75.400.000đ.

Tại phiên Tòa, đại diện nguyên đơn ông Trương Nguyễn Hồng Q tự nguyện không yêu cầu lãi suất chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 58.089.000đ.

Bị đơn : Ông H và bà N trình bày, ông bà thừa nhận vụ mùa năm 2013 vợ chồng ông B và bà Ng có đầu tư cho vợ chồng ông bà trồng 02 vụ bắp. Sau nhiều lần đầu tư thì vợ chồng ông bà còn thiếu tiền vật tư phân bón, thuốc trừ sâu là 58.089.000đ. Tuy nhiên khi thỏa thuận mua bán ông B và bà Ng thỏa thuận đầu tư cho vợ chồng ông, bà trồng bắp hết vụ 2 ông bà mới trả tiền nhưng ông B, bà Ng chỉ đầu tư vụ bắp một, vụ bắp hai không đầu tư hết vụ nên vợ chồng ông bà thất thu vụ 2. Nay ông bà chỉ đồng ý trả cho ông B, bà Ng số tiền đầu tư vụ bắp một từ ngày 18/5/2013 đến ngày 25/7/2013 số tiền là 38.365.000đ. Số tiền còn lại vụ bắp hai ông, bà không đồng ý hoàn trả. Ông bà cũng không đồng ý hoàn trả tiền lãi là 17.311.000đ như ông B, bà Ng yêu cầu.

Đại diện VKSND Hện T tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa HĐXX, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng do đó đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung.

Về nội dung: Trong quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn đã thừa nhận trong vụ mùa năm 2013 vợ chồng bị đơn sau nhiều lần mua vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu cũng như hạt giống để trồng 02 vụ bắp. Sau nhiều lần mua bán thì hai bên thống nhất bị đơn còn thiếu lại nguyên đơn 58.089.000đ. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình thu thập chứng cứ bị đơn nại ra lý do là nguyên đơn không đầu tư hết vụ bắp thứ hai nên không trả tiền đầu tư vụ hai mà chỉ trả tiền mua bán vụ bắp 01 là 38.365.000đ. Xét việc nêu lý do không đầu tư hết vụ nên không trả tiền do bị đơn đưa ra là không đúng với quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn do đó VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 58.089.000đ.

Với số tiền lãi, tại phiên Tòa đại diện nguyên đơn không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của đương sự nên đề nghị HĐXX không tính lãi suất.

Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện T tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy;

[1] Về thẩm quyền của tòa án: Nguyên đơn kiện bị đơn buộc bị đơn hoàn trả tiền mua bán tài sản còn thiếu là 58.089.000đ, đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có địa chỉ tại xã Tân Đức, Hện T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND Hện T theo quy định tại điều 26, 35 và 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất, vụ mùa năm 2013 nguyên đơn có bán vật tư nông nghiệp gồm phân bón, thuốc trừ sâu và hạt giống cho bị đơn để trồng hai vụ bắp. Sau nhiều lần mua bán và trả tiền thì đến ngày mua cuối cùng là ngày 10/9/2013 thì bị đơn còn thiếu lại của nguyên đơn số tiền là 58.089.000đ. Số tiền mua bán vụ bắp thứ hai là 19.724.000đ bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn.

Xét lý do bị đơn đưa ra là do nguyên đơn không đầu tư hết toàn vụ hai làm cho bị đơn bị thất thu vụ bắt thứ hai nên bị đơn không trả. Lý do bị đơn đưa ra là không có căn cứ, bởi lẽ việc mua bán là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, hai bên không cam kết nguyên đơn bán vật tư cho bị đơn trong thời gian Bo lâu. Việc nguyên đơn đơn phương không mua bán với bị đơn là quyền của nguyên đơn. Chính vì vậy bị đơn hiện đưa ra lý do trên để không trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm quyền và lợi ích của nguyên đơn do đó HĐXX cần buộc bị đơn phải trả hết số tiền còn thiếu 58.089.000đ cho nguyên đơn là phù hợp.

Xét số tiền lãi, tại phiên Tòa đại diện cho nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi. Đây là sự tự nguyện của đương sự không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên HĐXX chấp nhận.

Về án phí, đương sự phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39 BLTTDS năm 2015; điều 430,440 BLDS năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Trương Quốc B và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng.

1/ Buộc vợ chồng ông Nguyễn Trần H và bà Vòong Ngọc N phải trả cho ông Trương Quốc B và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng số tiền 58.089.000đ. (*năm mươi tám triệu không trăm tám mươi chín ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 375 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian còn phải thi hành án.

2/ Về án phí: Ông Nguyễn Trần H và bà Vòong Ngọc N phải chịu 2.904.000đ án phí DSST

Hoàn trả lại cho ông Trương Quốc B và bà Nguyễn Thị Mỹ Ng 1.885.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024595 ngày 27/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Hện T.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Án có hiệu lực theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Hện T;
- Chi cục THADS Hện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

